

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/DSST

Ngày 11/10/2019

Về việc : Tranh chấp HĐ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Bùi Thị Mai Linh

Các hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Quốc Trung và bà Phạm Thị Nga

Thư ký tòa án ghi biên bản : Bà Quách Thị Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa : Ông Khuất Duy Xuân Quý – Kiểm sát viên

Ngày 11/10/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 22/2018/TLST- DS ngày 12 tháng 04 năm 2018 về việc : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX - DS ngày 16 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn : **Ngân hàng TMCP A (NGÂN HÀNG A)**

Địa chỉ : Số 442, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật Luật : Ông Đỗ Minh Toàn - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Vũ Thị Anh Đào - Giám đốc phòng quản lý nợ

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng : Bà Nguyễn Thị Nhung - Nhân viên xử lý nợ

- Bị đơn : Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

HKTT : Tổ 19, phường Phương Lâm, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Tổ 12 mới)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (NGÂN HÀNG A) trình bày :

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 5465551610008624 ngày 03/01/2011 của bà Phan Thị T, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A và các văn bản của bà T ký với NGÂN HÀNG A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 03/01/2011, NGÂN HÀNG A đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Phan Thị T, chi tiết như sau :

Số thẻ 5465551610008624

Ngày cấp 03/01/2011

Hạn mức thẻ 50.000.000đồng

Hiệu lực thẻ : 01/2011- 01/2015. Mục đích sử dụng : Vay tiêu dùng

Lãi suất trong hạn là 25,8%/năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A.

Quá trình sử dụng thẻ bà T không thanh toán đầy đủ cho NGÂN HÀNG A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó ngày 23/09/2016 NGÂN HÀNG A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 22/10/2016 NGÂN HÀNG A đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu của bà T sang nợ quá hạn. NGÂN HÀNG A đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T không đến Tòa làm việc và cũng không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới cho NGÂN HÀNG A biết nhưng có thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho NGÂN HÀNG A qua tài khoản. Tuy nhiên tạm tính đến ngày 10/11/2019 bà T còn nợ NGÂN HÀNG A số tiền cụ thể như sau : Nợ gốc = 2.286.090 đồng. Nợ lãi quá hạn = 41.133.122 đồng. Tổng cộng = 43.419.212đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm mười hai nghìn đồng).

Nay Ngân hàng NGÂN HÀNG A yêu cầu bà T phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản về điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A. Bà T phải trả nợ theo thứ tự sau : vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần gửi Giấy triệu tập bà T đến Tòa làm việc nhưng bà T đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố và Công an phường Phương Lâm thành phố Hòa Bình.

Theo kết quả xác minh được biết trước đây bà Phan Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 19, phường Phương Lâm TP Hòa Bình. Tuy nhiên ngày 30/05/2012 bà T đã cắt khẩu và không rõ địa chỉ mới của bà T.

Tòa án đã tiến hành niêm các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà T theo quy định pháp luật nhưng bà T cũng không đến Tòa làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố.

Ngày 16/08/2019 vụ án được đưa ra xét xử, bà T vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất, ngày 12/09/2019 phiên tòa được mở lại lần thứ 2 nhưng người đại

diện theo ủy quyền của NGÂN HÀNG A có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, hôm nay phiên tòa được mở lại bà T vẫn vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Thẩm phán, Thư ký tòa án thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của BLTTDS tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS

Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bà Phan Thị T phải thanh toán trả NGÂN HÀNG A tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 11/10/2019. Bà T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong mọi khoản nợ cho NGÂN HÀNG A

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng :

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Phan Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại Tổ 19, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn

[2] Về nội dung vụ án :

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy :

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 5465551610008624 ngày 03/01/2011 và các chứng cứ tài liệu khác cho thấy việc NGÂN HÀNG A cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đồng cho bà Phan Thị T và NGÂN HÀNG A là có thật.

Đây được coi là Hợp đồng tín dụng. Nội dung và hình thức của các Hợp đồng này phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ đã chuyển sang quá hạn kể từ ngày 21/10/2016. Theo Bảng kê tính lãi và Bảng kê lịch sử trả nợ của bà T thể hiện tạm tính đến ngày 11/10/2019 bà T còn nợ NGÂN HÀNG A tổng số tiền gốc = 2.286.090 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền nợ lãi :

Mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận tại thời điểm cấp thẻ tín dụng = 25.8%/năm. Đến ngày 02/01/2018 NGÂN HÀNG A ban hành biểu phí áp dụng đối với thẻ tín dụng do NGÂN HÀNG A phát hành đã điều chỉnh mức lãi suất trong hạn đối với loại thẻ cấp cho bà Phan Thị T = 29%/năm

Từ ngày 21/01/2016 bà T ngừng thanh toán nợ nên khoản nợ của bà T đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng bắt đầu tính lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (29%/năm) trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán kể từ ngày 21/01/2016. Tạm tính đến ngày 10/11/2019 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền lãi quá hạn = = 41.133.122 đồng.

Trong Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A đã quy định : Lãi vay được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay Thẻ do NGÂN HÀNG A ban hành tại từng thời điểm. Bà T cũng đã xác nhận rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi Bản điều khoản này. Mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp quy định pháp luật

Xét cách tính lãi của Ngân hàng là đúng theo thỏa thuận của các bên trong Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A. Mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG A buộc bà Phan Thị T phải thanh toán trả NGÂN HÀNG A toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/10/2019 = 43.419.212đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm mười hai nghìn đồng).

NGÂN HÀNG A yêu cầu bà T phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản về điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Và thanh toán nợ theo thứ tự : vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí : Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 40; khoản 1 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; điều 235; điều 266; điều 271 và điều 273 của BLTTDS

Căn cứ các Điều 471, 474 BLDS năm 2005

Căn cứ Điều 91, 95 điểm d, khoản 3 điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí. Lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc bà Phan Thị T phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc = 2.286.090đ (hai triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng). Nợ lãi quá hạn = 41.133.122đ (Bốn mươi một triệu một trăm ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi hai đồng). Tổng cộng = 43.419.212đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm mười hai nghìn đồng). Làm tròn = 43.419.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng). Bà T phải trả nợ theo thứ tự sau : vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn

Kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi thi hành án xong bà Phan Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản về điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG A nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Bà Phan Thị T phải nộp 2.170.950 đồng. Làm tròn = 2.171.000đ (hai triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo Biên lai THA số 0005098 ngày 12/04/2018.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh HB
- VKSND thành phố HB
- Chi cục THADS thành phố HB
- Đương sự
- Lưu HS

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mai Linh